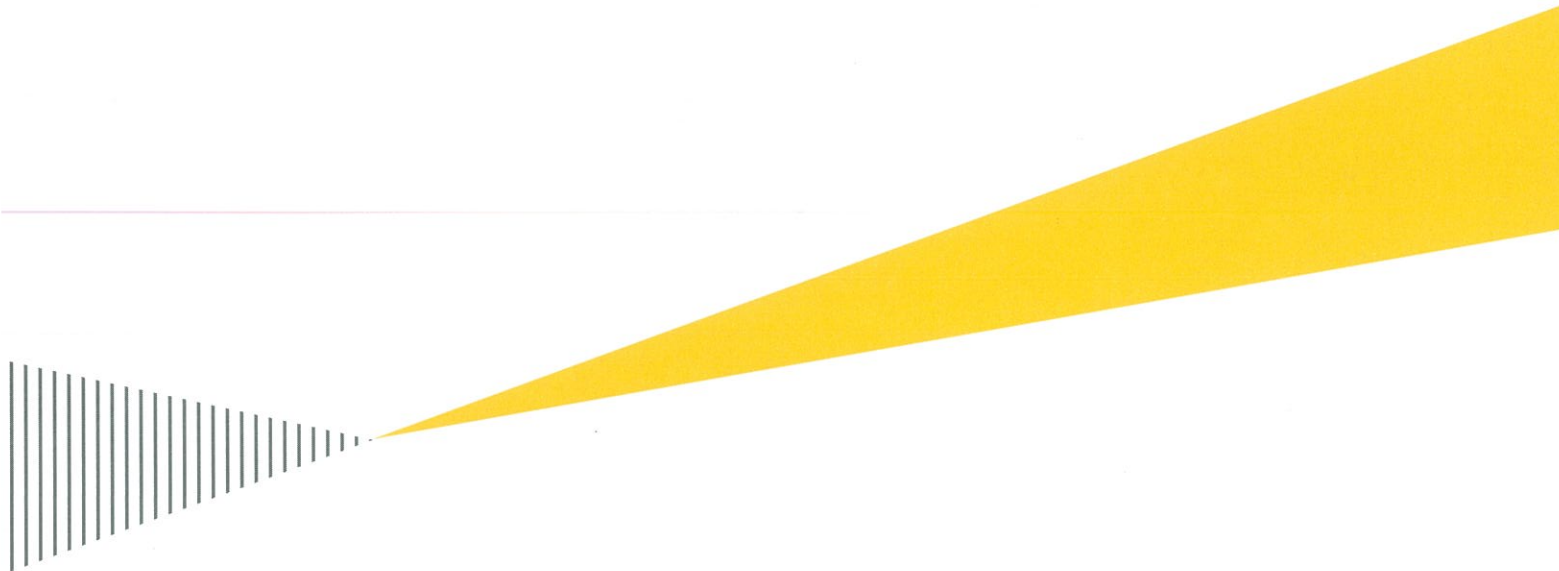


## **Công ty Cổ phần Licogi 166**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



**EY**

Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần Licogi 166

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

2  
3  
4  
5  
6

# Công ty Cổ phần Licogi 166

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội kể từ ngày 21 tháng 1 năm 2013 theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHN do Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 10 tháng 1 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Dương Hùng	Thành viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hường	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2015
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Long Hưng	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Vũ Công Hưng, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Licogi 166

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con, do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số tham chiếu: 60992763/17684328-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 166**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") và công ty con được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Nguyễn Thái Thanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>134.735.758.263</b>	<b>103.423.582.542</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>6.275.193.299</b>	<b>2.627.951.289</b>
111	1. Tiền		1.447.193.299	2.627.951.289
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.828.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>950.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	950.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>108.529.632.700</b>	<b>86.055.520.148</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	78.014.338.308	64.211.364.342
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	19.872.560.008	12.411.736.184
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.113.412.597	9.666.664.122
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(470.678.213)	(234.244.500)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>18.152.130.088</b>	<b>14.242.849.177</b>
141	1. Hàng tồn kho		18.152.130.088	14.242.849.177
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>828.802.176</b>	<b>497.261.928</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	828.802.176	497.261.928
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>71.781.245.948</b>	<b>53.314.144.200</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>57.050.303.116</b>	<b>37.841.843.822</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	57.050.303.116	37.841.843.822
222	Nguyên giá		103.343.838.653	82.199.243.278
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(46.293.535.537)	(44.357.399.456)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>7.463.102.362</b>	<b>15.391.408.496</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	7.463.102.362	15.391.408.496
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.267.840.470</b>	<b>80.891.882</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	7.267.840.470	80.891.882
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>206.517.004.211</b>	<b>156.737.726.742</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>142.808.662.206</b>	<b>94.008.335.312</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>140.962.240.463</b>	<b>91.674.561.319</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	4.927.573.809	20.664.780.793
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	62.459.558.217	584.161.499
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.193.995.458	941.775.684
314	4. Phải trả người lao động	13	2.523.065.669	1.540.391.212
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.416.213.138	2.071.904.436
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	7.417.471.485	11.573.117.627
320	7. Vay ngắn hạn	16	53.121.511.200	46.224.130.581
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	6.347.970.174	6.914.970.174
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	554.881.313	1.159.329.313
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.846.421.743</b>	<b>2.333.773.993</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		147.671.743	173.773.993
338	2. Vay dài hạn	16	1.698.750.000	2.160.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>63.708.342.005</b>	<b>62.729.391.430</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>63.708.342.005</b>	<b>62.729.391.430</b>
411	1. Vốn cổ phần	19.1	76.000.000.000	76.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		76.000.000.000	76.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	7.616.480.409	7.616.480.409
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	9.163.236.123	9.163.236.123
421	4. Lỗ lũy kế	19.1	(29.071.374.527)	(30.050.325.102)
421a	- (Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(30.050.325.102)	7.651.141.047
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ) năm nay		978.950.575	(37.701.466.149)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>206.517.004.211</b>	<b>156.737.726.742</b>

Đào Lan Tuyết  
Người lập

Hà Thị Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	155.734.888.409	79.211.365.430
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	155.734.888.409	79.211.365.430
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(140.427.928.212)	(102.328.828.539)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.306.960.197	(23.117.463.109)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	307.337.878	33.248.224
22	7. Chi phí tài chính	22	(4.872.736.409)	(5.011.965.096)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.872.736.409)	(5.011.965.096)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(70.539.076)	(210.228.081)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(9.821.410.122)	(9.441.354.481)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		849.612.468	(37.747.762.543)
31	11. Thu nhập khác		129.338.107	46.296.394
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		129.338.107	46.296.394
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		978.950.575	(37.701.466.149)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		978.950.575	(37.701.466.149)
70	17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	27	129	(4.961)
71	18. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	27	129	(4.961)

  
Đào Lan Tuyết  
Người lập

  
Hà Thị Huệ  
Kế toán trưởng



  
Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		217.115.934.615	105.221.010.776
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(179.058.329.407)	(86.372.662.262)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(13.244.274.659)	(15.714.903.860)
04	Tiền lãi vay đã trả		(4.860.703.161)	(4.872.750.051)
05	Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(925.632.321)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.596.166.802	3.326.471.233
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.884.043.976)	(4.011.191.455)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>18.664.750.214</b>	<b>(3.349.657.940)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.122.768.361)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.490.909.090	1.652.000.000
23	Tiền chi mua khoản đầu tư ngắn hạn		(950.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		128.220.448	33.248.224
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(21.453.638.823)</b>	<b>1.685.248.224</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		103.824.496.685	71.323.651.349
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(97.388.366.066)	(71.194.956.460)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>6.436.130.619</b>	<b>128.694.889</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.647.242.010	(1.535.714.827)
60	Tiền đầu năm		2.627.951.289	4.163.666.116
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		6.275.193.299	2.627.951.289



Đào Lan Tuyết  
Người lập



Hà Thị Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội kể từ ngày 21 tháng 1 năm 2013 theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHN do Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 10 tháng 1 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 78 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 90 người).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166. Công ty con này được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001932226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015. Công ty con này có trụ sở chính tại mỏ đá Cụp Đụn, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty con này là khai thác đá, cát, sỏi và đất sét.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong Công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và công ty con là đồng Việt Nam (VND).

### **2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ thời điểm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất lần đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do trong các năm trước công ty không có công ty con. Theo đó, các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm hiện tại và các thông tin cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 tuân thủ với các chính sách kế toán có hiệu lực từ năm 2015 như được trình bày trong phần Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu.

*Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.  
dụng cụ

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở - giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê  
dang phụ và các chi phí có liên quan khác của các công  
trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác  
nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp  
nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp**

Công ty và công ty con ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty và công ty con có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty và công ty con trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% trên tổng giá trị công trình xây lắp.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ và xây lắp*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc năm tài chính và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

#### 3.15 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	130.202.658	203.444.556
Tiền gửi ngân hàng	1.316.990.641	2.424.506.733
Các khoản tương đương tiền (*)	4.828.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.275.193.299</u></b>	<b><u>2.627.951.289</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-chi nhánh Hà Nội và hưởng lãi suất 3,7%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với kỳ hạn 1 năm từ ngày 14 tháng 9 năm 2015 đến ngày 14 tháng 9 năm 2016 và hưởng lãi suất 6%/năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	6.508.169.141	6.860.349.007
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	71.506.169.167	57.351.015.335
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>78.014.338.308</u></b>	<b><u>64.211.364.342</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(470.678.213)	(234.244.500)

**6.2 Trả trước cho người bán**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí Hải Thanh	3.592.775.000	-
Công ty TNHH Sao Thổ Hà Tĩnh	8.452.132.884	10.675.125.184
Công ty TNHH Trường Thịnh Phát	3.183.424.874	-
Các khoản trả trước khác	4.644.227.250	1.736.611.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.872.560.008</u></b>	<b><u>12.411.736.184</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc	-	-	600.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	10.199.615.977	-	4.821.178.647	-
Phải thu khác	913.796.620	-	4.245.485.475	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.113.412.597</b>	<b>-</b>	<b>9.666.664.122</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	11.113.412.597	-	9.066.664.122	-
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	-	-	600.000.000	-

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên, vật liệu	1.085.492.571	-	2.456.732.121	-
Công cụ, dụng cụ	125.245.319	-	92.534.205	-
Chi phí khai thác đá dở dang	520.272.583	-	-	-
Công trình xây lắp dở dang (*)	16.421.119.615	-	11.693.582.851	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.152.130.088</b>	<b>-</b>	<b>14.242.849.177</b>	<b>-</b>

(\*) Công trình xây lắp dở dang tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm chi phí xây lắp chưa được nghiệm thu của các công trình sau:

Đơn vị tính: VND

Công trình	Số cuối năm	Số đầu năm
Bê tông dĩnh đập – Bản Chát	3.871.872.319	9.847.897.405
Quốc lộ 1A – Quảng Trị	7.824.333.639	1.662.963.629
Hạ Long – Vân Đồn	2.201.259.323	-
Kè bảo vệ Sông Hậu	2.443.550.208	27.000.000
Trung tâm thông tin miền Trung – Đà Nẵng	80.104.126	155.721.817
	<b>16.421.119.615</b>	<b>11.693.582.851</b>

## Công ty Cổ phần Licogi 166

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	10.389.871.961	60.588.469.095	10.830.456.842	390.445.380	82.199.243.278
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	20.000.000.000	5.610.706.993	-	-	25.610.706.993
- Thanh lý	(1.835.615.314)	(2.413.493.506)	(217.002.798)	-	(4.466.111.618)
Số cuối năm	28.554.256.647	63.785.682.582	10.613.454.044	390.445.380	103.343.838.653
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	13.550.934.997	9.363.690.409	341.545.380	23.256.170.786
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	1.790.179.490	32.534.932.830	9.668.424.041	363.863.095	44.357.399.456
- Khấu hao trong năm	306.183.042	4.070.558.627	645.064.137	9.780.000	5.031.585.806
- Thanh lý	(595.546.604)	(2.282.900.324)	(217.002.797)	-	(3.095.449.725)
Số cuối năm	1.500.815.928	34.322.591.133	10.096.485.381	373.643.095	46.293.535.537
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	8.599.692.471	28.053.536.265	1.162.032.801	26.582.285	37.841.843.822
Số cuối năm	27.053.440.719	29.463.091.449	516.968.663	16.802.285	57.050.303.116
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp	7.053.440.718	26.880.448.225	412.533.333	-	34.346.422.276

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 34.346.422.276 VND được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như được trình bày tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Máy móc thiết bị thi công chờ kiểm định	6.427.889.362	-
Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
Mỏ đá Sao Thổ, Hà Tĩnh (*)	-	14.356.195.496
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.463.102.362</u></b>	<b><u>15.391.408.496</u></b>

(\*) Trong năm 2015, toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang thuộc dự án Mỏ đá Sao Thổ, Hà Tĩnh đã được Công ty sử dụng để góp vốn thành lập công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa máy móc	281.006.333	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	387.483.002	158.605.167
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	62.800.000	179.667.086
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	97.512.841	158.989.675
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>828.802.176</u></b>	<b><u>497.261.928</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản và tài sản mỏ khác	6.954.016.909	-
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	233.300.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	80.523.561	80.891.882
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.267.840.470</u></b>	<b><u>80.891.882</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**12.1 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán				
- Công ty Cổ phần Khai thác Đá Hung Thịnh	1.416.208.880	1.416.208.880	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Thành	662.215.117	662.215.117	-	-
- Công ty Cổ phần CONECO Miền Trung	-	-	8.201.726.400	8.201.726.400
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hải Thanh	-	-	2.471.410.046	2.471.410.046
- Phải trả cho người bán khác	2.381.924.674	2.381.924.674	4.473.430.501	4.473.430.501
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	467.225.138	467.225.138	5.518.213.846	5.518.213.846
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.927.573.809</b>	<b>4.927.573.809</b>	<b>20.664.780.793</b>	<b>20.664.780.793</b>

**12.2 Người mua trả tiền trước**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	62.166.635.400	-
Đối tượng khác	292.922.817	584.161.499
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.459.558.217</b>	<b>584.161.499</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	429.387.257	1.482.100.319	1.042.818.384	961.589.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.1)	65.739.762	-	-	65.739.762
Thuế thu nhập cá nhân	445.566.775	167.349.604	447.331.905	165.584.474
Các loại thuế khác	1.081.890	-	-	1.081.890
	<b>941.775.684</b>	<b>1.649.449.923</b>	<b>1.490.150.289</b>	<b>1.193.995.458</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay trích trước	89.551.454	77.518.206
Chi phí thưởng cho nhân viên	-	605.000.000
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê tông	2.326.661.684	1.298.477.139
Các khoản khác	-	90.909.091
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.416.213.138</u></b>	<b><u>2.071.904.436</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khoản ứng trước từ Công ty Cổ phần Licogi 16	3.700.000.000	3.700.000.000
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	492.603.560
Bảo hiểm xã hội, y tế	157.885.010	3.912.136.150
Kinh phí công đoàn	363.231.038	338.739.477
Cổ tức phải trả	39.070.600	39.355.600
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	304.591.035	307.000.000
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	1.412.501.007	1.351.294.554
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.440.192.795	1.431.988.286
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.417.471.485</u></b>	<b><u>11.573.117.627</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác</i>	3.658.272.919	7.873.117.627
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	3.759.198.566	3.700.000.000

**Công ty Cổ phần Licogi 166**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VAY**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng	44.744.130.581	44.744.130.581	100.624.496.685	95.908.366.066	49.460.261.200	49.460.261.200		
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	1.480.000.000	1.480.000.000	3.661.250.000	1.480.000.000	3.661.250.000	3.661.250.000		
	<b>46.224.130.581</b>	<b>46.224.130.581</b>	<b>104.285.746.685</b>	<b>97.388.366.066</b>	<b>53.121.511.200</b>	<b>53.121.511.200</b>		
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay ngân hàng	2.160.000.000	2.160.000.000	3.200.000.000	3.661.250.000	1.698.750.000	1.698.750.000		
	<b>2.160.000.000</b>	<b>2.160.000.000</b>	<b>3.200.000.000</b>	<b>3.661.250.000</b>	<b>1.698.750.000</b>	<b>1.698.750.000</b>		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.384.130.581</b>	<b>48.384.130.581</b>	<b>107.485.746.685</b>	<b>101.049.616.066</b>	<b>54.820.261.200</b>	<b>54.820.261.200</b>		

**16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Đơn vị tính: VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	49.460.261.200	Từ 8 đến 9 tháng, đảo hạn từ ngày 7 tháng 5 năm 2016 đến ngày 25 tháng 8 năm 2016	9,2%-10%	Nhà văn phòng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.460.261.200</b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VAY (tiếp theo)**

**16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
		48 tháng, đáo hạn từ quý I năm 2016 đến quý IV năm 2019		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.360.000.000		10,5%	Máy móc, thiết bị
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.661.250.000</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.698.750.000</i>			

**17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Thay đổi khoản dự phòng bảo hành công trình được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Dự phòng chi phí bảo hành</i>
Số đầu năm	6.914.970.174
- Tăng trong kỳ	-
- Sử dụng trong kỳ	567.000.000
Số cuối năm	<u>6.347.970.174</u>

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được xác định theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Số dư dự phòng chủ yếu liên quan đến Công trình Thủy điện Bản Chát, được trích ở mức 3% trên tổng doanh thu từ công trình này (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.159.329.313	2.166.789.647
Chi trong năm	(604.448.000)	(1.007.460.334)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>554.881.313</u></b>	<b><u>1.159.329.313</u></b>

## Công ty Cổ phần Licogi 166

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lũy kế	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	7.705.074.962	100.484.791.494
- Lỗ trong năm	-	-	-	(37.701.466.149)	(37.701.466.149)
- Giảm khác	-	-	-	(53.933.915)	(53.933.915)
Số cuối năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(30.050.325.102)	62.729.391.430
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(30.050.325.102)	62.729.391.430
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	978.950.575	978.950.575
Số cuối năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.616.480.409	7.616.480.409	7.616.480.409	7.616.480.409
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>83.616.480.409</b>	<b>83.616.480.409</b>	<b>83.616.480.409</b>	<b>83.616.480.409</b>

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.600.000</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>7.600.000</b>	<b>76.000.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2014: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>155.734.888.409</b>	<b>79.211.365.430</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	7.552.041.163	55.189.113.382
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.583.035.160	8.310.245.594
Doanh thu hợp đồng xây dựng	146.599.812.086	15.712.006.454
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>155.734.888.409</u></b>	<b><u>79.211.365.430</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên thứ ba</i>	23.199.176.594	19.002.644.958
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i> (Thuyết minh số 26)	132.535.711.815	60.208.720.472

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	1.492.637.373	-
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	<u>145.107.174.713</u>	<u>15.712.006.454</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>146.599.812.086</u></b>	<b><u>15.712.006.454</u></b>
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện đến ngày cuối năm	152.981.646.749	15.712.006.454

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi và thu nhập tài chính khác	<u>307.337.878</u>	<u>33.248.224</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>307.337.878</u></b>	<b><u>33.248.224</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.443.677.160	54.903.254.158
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.176.343.980	9.418.448.350
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	<u>131.807.907.072</u>	<u>38.007.126.031</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>140.427.928.212</u></b>	<b><u>102.328.828.539</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	4.872.736.409	5.011.965.096
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.872.736.409</b>	<b>5.011.965.096</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	70.539.076	210.228.081
	<b>70.539.076</b>	<b>210.228.081</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	5.522.665.862	5.853.432.945
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.298.744.260	3.587.921.536
	<b>9.821.410.122</b>	<b>9.441.354.481</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.891.949.198</b>	<b>9.651.582.562</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	87.686.220.956	75.117.801.805
Chi phí nhân công	15.464.484.404	12.825.265.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.031.585.806	8.003.241.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.464.216.246	14.247.412.534
Chi phí khác	3.673.369.998	1.786.690.270
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.319.877.410</b>	<b>111.980.411.101</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty và công ty con là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>978.950.575</b>	<b>(37.701.466.149)</b>
<i>Các điều chỉnh lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</i>		
Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	204.000.000	-
Điều chỉnh dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(27.603.617)	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế và chưa căn trừ lỗ năm trước</b>	<b>1.155.346.958</b>	<b>(37.701.466.149)</b>
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế và chưa căn trừ lỗ năm trước của công ty mẹ	1.182.950.575	(37.701.466.149)
Lỗ điều chỉnh trước thuế của công ty con	(27.603.617)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.182.950.575)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.739.762	991.372.083
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(925.632.321)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b> (Thuyết minh số 13)	<b>65.739.762</b>	<b>65.739.762</b>

**25.2 Thuế thu nhập hoãn lại**

**Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty và công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 36.546.119.191 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 37.701.466.149 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

**Công ty**

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015	Không được chuyển lỗ	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015
2014	2019	(*) 37.701.466.149	1.182.950.575	-	36.518.515.574
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>37.701.466.149</b>	<b>1.182.950.575</b>	<b>-</b>	<b>36.518.515.574</b>

**Công ty con**

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015	Không được chuyển lỗ	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015
2015	2020	(*) 27.603.617	-	-	27.603.617
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>27.603.617</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.603.617</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.2 Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

(\*) Lỗ tính thuế theo tờ khai quyết toán thuế năm chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ nêu trên do không thể dự tính chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu bán đá	7.552.041.163	42.779.578.000
		Doanh thu xây lắp	123.609.148.108	11.801.556.170
		Doanh thu cho thuê thiết bị	1.374.522.544	5.481.695.962
		Phải thu chuyển sang từ Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	16.456.439.203	-
		Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước
Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	Cùng Tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	-	17.453.772
		Các khoản phí phải trả	-	1.798.963.770
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Vật liệu Xây dựng	Cùng Tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	-	20.274.830
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	3.132.024.938	-
Công ty Cổ phần Licogi 17	Cùng Tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	-	85.560.762

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty và công ty con bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (năm 2014: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu xây lắp	71.431.788.993	38.890.071.011
Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	Cùng tập đoàn	Doanh thu xây lắp	-	18.255.402.973
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Xây dựng và Kỹ thuật Công trình	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	74.380.174	194.380.174
Công ty Cổ phần Licogi 17	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	-	9.755.822
Công ty Cổ phần Licogi 6	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	-	1.405.355
			<b>71.506.169.167</b>	<b>57.351.015.335</b>
<b>Phải thu khác (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Đặt cọc	-	600.000.000
			-	<b>600.000.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12.1)</b>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	-	1.798.963.770
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu và thiết bị	467.225.138	3.719.250.076
			<b>467.225.138</b>	<b>5.518.213.846</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)</b>				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Ứng trước cho Công ty	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 15	Cùng tập đoàn	Phải trả về hợp đồng xây dựng	59.198.566	-
			<b>3.759.198.566</b>	<b>3.700.000.000</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	1.125.813.001	2.064.597.750
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.125.813.001</b>	<b>2.064.597.750</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	978.950.575	(37.701.466.149)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>978.950.575</u>	<u>(37.701.466.149)</u>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>978.950.575</u></b>	<b><u>(37.701.466.149)</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.600.000</u>	<u>7.600.000</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.</b>	<b><u>7.600.000</u></b>	<b><u>7.600.000</u></b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>129</b>	<b>(4.961)</b>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<b>129</b>	<b>(4.961)</b>

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận xây lắp thực hiện đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng và cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật.

Bộ phận khai thác và kinh doanh đá thực hiện khai thác và kinh doanh đá xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bộ phận xây lắp</i>	<i>Bộ phận khai thác và kinh doanh đá</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày</b>				
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	148.182.847.246	7.552.041.163	-	155.734.888.409
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>148.182.847.246</b>	<b>7.552.041.163</b>	<b>-</b>	<b>155.734.888.409</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	1.417.394.609	(438.444.034)	-	978.950.575
Lợi nhuận thuần trước thuế				978.950.575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận thuần sau thuế				978.950.575
<b>Tài sản và công nợ</b>				
<i>Tài sản bộ phận</i>	186.471.484.685	28.022.048.827	(7.976.529.301)	206.517.004.211
<i>Tài sản không phân bổ</i>				-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>206.517.004.211</b>
<i>Công nợ bộ phận</i>	142.735.539.063	8.049.652.444	(7.976.529.301)	142.808.662.206
<i>Công nợ không phân bổ</i>				-
<b>Tổng công nợ</b>				<b>142.808.662.206</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
<b>Chi phí hình thành tài sản cố định</b>				
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	5.610.706.993	20.000.000.000	-	25.610.706.993
<i>Khấu hao</i>	5.031.585.806	-	-	5.031.585.806
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày</b>				
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	24.022.252.048	55.189.113.382	-	79.211.365.430
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>24.022.252.048</b>	<b>55.189.113.382</b>	<b>-</b>	<b>79.211.365.430</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lỗ thuần trước thuế của bộ phận	(31.199.001.079)	(6.502.465.070)	-	(37.701.466.149)
Lỗ thuần trước thuế				(37.701.466.149)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lỗ thuần sau thuế				(37.701.466.149)
<b>Tài sản và công nợ</b>				
<i>Tài sản bộ phận</i>	152.159.654.552	4.578.072.190	-	156.737.726.742
<i>Tài sản không phân bổ</i>				-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>156.737.726.742</b>
<i>Công nợ bộ phận</i>	94.008.335.312	-	-	94.008.335.312
<i>Công nợ không phân bổ</i>				-
<b>Tổng công nợ</b>				<b>94.008.335.312</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
<b>Chi phí hình thành tài sản cố định</b>				
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	18.565.875.501	-	-	18.565.875.501
<i>Khấu hao</i>	8.003.241.414	-	-	8.003.241.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Đào Lan Tuyết  
Người lập



Hà Thị Huệ  
Kế toán trưởng

  
Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

